

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
(MECO JSC)

..... @

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2018

Báo cáo gồm có:

1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất – Mẫu số B01-DN
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất – Mẫu số B02-DN
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất – Mẫu số B03-DN
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất – Mẫu số B09-DN

HÀ NỘI – 2018

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		724.734.400.727	957.930.259.516
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.741.307.327	11.472.597.704
1. Tiền	111	V.01	6.741.307.327	11.472.597.704
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	265.017.600	318.432.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		342.250.000	342.250.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	122		(77.232.400)	(23.818.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		350.879.028.851	548.608.868.780
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	398.082.927.952	418.319.489.682
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		64.259.629.494	83.706.260.529
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	197.115.268.466	261.117.177.727
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(308.842.803.123)	(214.798.065.220)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	264.006.062	264.006.062
IV. Hàng tồn kho	140		364.931.219.269	394.018.431.429
1. Hàng tồn kho	141	V.07	494.924.314.820	467.915.904.498
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(129.993.095.551)	(73.897.473.069)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.917.827.680	3.511.929.603
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	57.616.409	69.462.732
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.860.211.271	3.442.466.871
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		945.127.718.617	868.122.698.533
I. Tài sản cố định	220		501.466.591.324	523.408.316.482
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	501.466.591.324	523.408.316.482
- Nguyên giá	222		634.209.271.532	640.710.805.222
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(132.742.680.208)	(117.302.488.740)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	401.556.768.432	312.695.277.344
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		401.556.768.432	312.695.277.344
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	39.195.062.944	29.149.827.436
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		27.395.062.944	27.349.827.436
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.400.000.000	5.400.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		10.000.000.000	
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.909.295.917	2.869.277.271
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	73.074.440	106.108.622
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.836.221.477	2.763.168.649
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.669.862.119.344	1.826.052.958.049

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội
 Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của BTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.258.035.736.168	1.316.182.405.048
I. Nợ ngắn hạn	310		618.661.413.086	812.040.048.971
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	230.368.664.000	217.536.497.479
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		73.921.029.099	47.216.662.775
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	31.298.301.493	43.050.678.853
4. Phải trả người lao động	314		1.733.311.214	2.910.028.086
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	131.280.083.023	162.755.637.282
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			2.590.909.091
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	110.786.725.724	153.031.759.613
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	29.842.643.000	172.732.382.259
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.430.655.533	10.215.493.533
II. Nợ dài hạn	330		639.374.323.082	504.142.356.077
1. Chi phí phải trả dài hạn	333			73.425.044.177
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		11.681.086.486	11.681.086.486
3. Phải trả dài hạn khác	337		221.010.625.000	1.010.625.000
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	406.032.611.596	417.375.600.414
5. Trái phiếu chuyển đổi	339		650.000.000	650.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		411.826.383.176	509.870.553.001
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	411.826.383.176	509.860.245.063
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		575.100.000.000	575.100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575.100.000.000	575.100.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.960.749.348	32.960.749.348
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(73.426.398.513)	(73.426.398.513)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.817.258.755	28.817.258.755
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(316.904.161.978)	(168.112.601.333)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(318.146.657.147)	(168.112.601.333)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.242.495.169	
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		165.278.935.564	114.521.236.806
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.17		10.307.938
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			10.307.938
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.669.862.119.344	1.826.052.958.049

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



HOÀNG MẠNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG



CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	39.846.354.157	16.145.252.978	106.763.668.658	130.739.312.866
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		39.846.354.157	16.145.252.978	106.763.668.658	130.739.312.866
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	35.601.170.703	25.191.737.793	151.974.435.323	105.465.109.962
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.245.183.454	(9.046.484.815)	(45.210.766.665)	25.274.202.904
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	147.771.496	3.380.097.167	3.362.741.320	3.477.679.551
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	1.171.133.174	8.087.841.830	15.363.609.468	12.096.529.693
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.101.197.974	5.978.478.337	13.805.365.603	18.021.089.220
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, LD	24		45.899.854	462.671.623	45.235.508	147.128.623
9. Chi phí bán hàng	25	VI.08	-	4.650.450	1.550.150	18.782.050
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	1.849.688.561	202.611.433.479	100.987.957.965	207.685.602.408
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.418.033.069	(215.907.641.784)	(158.155.907.420)	(190.901.903.073)
12. Thu nhập khác	31	VI.06	50.842.543	7.954.495.824	9.514.169.836	8.116.161.874
13. Chi phí khác	32	VI.07	116.576.427	80.696.904	312.996.330	6.269.021.155
14. Lợi nhuận khác	40		(65.733.884)	7.873.798.920	9.201.173.506	1.847.140.719
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.352.299.185	(208.033.842.864)	(148.954.733.914)	(189.054.762.354)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	(11.944.545)	122.453.181	54.960.801	15.335.431.630
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(2.734.236.067)	(73.052.828)	(2.734.236.067)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.364.243.730	(205.422.059.978)	(148.936.641.887)	(201.655.957.917)
19. LN sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		1.242.495.169	(205.860.248.543)	(148.791.560.645)	(202.231.008.684)
20. LN sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		121.748.561	438.188.565	(145.081.242)	575.050.767
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		24	(3.955)	(2.859)	(3.885)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

NGƯỜI LẬP BIỂU



HOÀNG MẠNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

CHỦ TỊCH HĐQT




NGUYỄN NGỌC BÌNH

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2018

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	LƯỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(148.954.733.914)	(189.039.515.662)
2. Điều chỉnh cho các khoản			185.742.384.643	243.669.151.143
- Khấu hao TSCĐ	02		21.807.995.503	24.411.233.490
- Các khoản dự phòng	03		150.193.774.785	181.727.028.410
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(51.527.233)	379.073.398
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.224.015)	19.130.726.625
- Chi phí lãi vay	06		13.805.365.603	18.021.089.220
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		36.787.650.729	54.629.635.481
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		105.035.346.133	(138.579.749.471)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(27.008.410.322)	9.683.002.465
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		234.381.559.385	77.142.791.800
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		44.880.505	398.687.536
- Tiền lãi vay đã trả	14		(101.384.490.956)	(25.336.874.207)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(192.471.449)	(1.243.247.313)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(784.838.000)	(571.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		246.879.226.025	(23.877.603.709)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(78.602.573.495)	(108.680.244.809)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		200.000.000	726.818.182
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(19.064.078)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			34.741.634.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			4.900
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(88.402.573.495)	(73.230.851.805)
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ đi vay	33		186.933.013.853	148.107.901.821
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(350.140.313.288)	(51.769.522.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(163.207.299.435)	96.338.379.321
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(4.730.646.905)	(770.076.193)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.472.597.704	12.240.784.017
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(643.472)	1.889.880
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		6.741.307.327	11.472.597.704

M.S.D.N.

NGƯỜI LẬP BIỂU

HOÀNG MẠNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2018

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
 - Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
 - Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ Hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
 - Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
 - Khoan phụt vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
 - Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
 - Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
 - Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
 - Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
 - Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mỏ địa chất

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
- Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
- Môi giới bất động sản;
- Định giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc tập đoàn

- Tổng số các Công ty con: 04
- + Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 04
- + Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0
- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

+ Công ty CP đầu tư thủy điện An pha

Địa chỉ: Số 214, đường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 64,63 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 64,63 %

+ Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 89%

+ Công ty CP khoáng sản MECO

Địa chỉ: Thôn Đồng Lạt, Xã Trung Sơn, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hòa Bình

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 92,04 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 75 %

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

+ Công ty CP Bất động sản MECO

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 67,5 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 67,5 %

- Danh sách các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

+ Công ty CP cơ điện và XD Hòa Bình

Địa chỉ trụ sở chính: Tiểu khu 4, thị trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình

Tỷ lệ phần sở hữu: 32,49 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 46 %

+ Công ty CP XD thủy lợi MECO Sài Gòn

Địa chỉ trụ sở chính: 205 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ phần sở hữu: 28,05 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 28,05 %

- Công ty CP cơ khí Văn Lâm

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ngọc Loan, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

Tỷ lệ phần sở hữu: 100 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 45 %

+ Công ty CP thủy điện Thác Xăng

Địa chỉ: 2A14 tổ 1D, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 77,95 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 35 %

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính 2018 là năm tài chính thứ 13 của Công ty kể từ khi chuyển đổi hình thức sang Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh: được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)

- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

c) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết: được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 Công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) được lập vào cuối niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 50
Máy móc và thiết bị	7 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản cố định khác	4 – 6

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Riêng chi phí đi vay để đầu tư xây dựng dự án khu nhà ở cao tầng và văn phòng Dự án tại 102 Trường Chinh được vốn hóa vào giá trị công trình.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Riêng đối với công cụ dụng cụ được phân loại lại do không đủ tiêu chuẩn là Tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nêu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ trừ các trường hợp chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp, riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

14. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Doanh thu kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bàn giao mốc giới.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Thu nhập khác gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được xác định theo dự toán đầu tư.

Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, Chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí tài chính khác.

Chi phí tài chính được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói sản phẩm và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

21. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của tập đoàn cũng được trình bày riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con:

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được loại trừ toàn bộ.

Số dư các khoản mục phải thu, phải trả, cho vay... giữa các đơn vị trong tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn được loại trừ toàn bộ.

Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ			Đầu năm		
1- Tiền						
- Tiền mặt				2,281,582,661		4,297,789,348
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn				4,459,724,666		7,174,808,356
Cộng				6,741,307,327		11,472,597,704
2- Các khoản đầu tư tài chính:						
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh:	342,250,000	265,017,600	(77,232,400)	342,250,000	318,432,000	(23,818,000)
- Tổng giá trị cổ phiếu	342,250,000	265,017,600	(77,232,400)	342,250,000	318,432,000	(23,818,000)
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	342,250,000	265,017,600	(77,232,400)	342,250,000	318,432,000	(23,818,000)
- Số lượng cổ phiếu					Cuối kỳ	Đầu năm
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội					36,808	34,240
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
		Số lượng	Giá trị		Số lượng	Giá trị
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
+ Công ty CP Cơ điện và XD Hoà Bình		224,147	2,003,528,515		224,147	2,003,528,515
+ Công ty CP XDTL MECO Sài Gòn		420,724			420,724	
+ Công ty CP Cơ khí Văn Lâm			8,661,171,084			8,615,935,576
+ Công ty CP Thủy điện Thác Xăng		1,673,036	16,730,363,345		1,673,036	16,730,363,345
+ BQL DA khu đô thị phía đông huyện Văn						
Cộng			27,395,062,944			27,349,827,436
- Đầu tư vào đơn vị khác						
	Giá gốc	Cuối kỳ		Đầu năm		
		Dự phòng	Giá hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá hợp lý
+ Công ty CP ĐT và PT các KCN Hà Tĩnh	1,050,000,000	(1,050,000,000)		1,050,000,000	(1,050,000,000)	
+ Công ty CP BP Tư vấn và đầu tư XD	1,800,000,000		1,800,000,000	1,800,000,000		1,800,000,000
+ Công ty CP Ván nhân tạo Yên Bái	2,550,000,000	(2,550,000,000)		2,550,000,000	(2,550,000,000)	
Cộng	5,400,000,000	(3,600,000,000)	1,800,000,000	5,400,000,000	(3,600,000,000)	1,800,000,000
3- Phải thu của khách hàng						
				Cuối kỳ	Đầu năm	
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn				391,839,815,597		412,026,377,327
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				6,243,112,355		6,293,112,355
Công ty CP Cơ khí Văn Lâm						
Phải thu về tiền cho thuê nhà xưởng và thu khác				6,243,112,355		6,293,112,355
Cộng				398,082,927,952		418,319,489,682
4- Phải thu khác						
		Cuối kỳ		Đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Ngắn hạn	197,115,268,466	-	261,117,177,727	-		
- Tạm ứng	162,274,544,005		118,644,098,634			
- Ký cược, ký quỹ	15,700,000		15,700,000			
- Phải thu khác	34,825,024,461		142,457,379,093			
Cộng	197,115,268,466	-	261,117,177,727	-		
5- Tài sản thiếu chờ xử lý						
	Số lượng	Cuối kỳ	Số lượng	Đầu năm		
		Giá trị		Giá trị		
a) Tài sản khác		264,006,062		264,006,062		
Cộng		264,006,062		264,006,062		
6- Nợ xấu						
	Giá gốc	Cuối kỳ	Đầu năm	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
		Giá trị có thể thu hồi				

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	308,842,803,123	-	214,798,065,220	-
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------	---	-----------------	---

7- Hàng tồn kho	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi trên đường	4,251,437,607		6,464,879,810	
- Nguyên liệu, vật liệu	29,990,104,918		31,580,908,933	
- Công cụ, dụng cụ	30,900,000		31,650,000	
- Chi phí SX, KD dở dang	400,899,591,640	129,993,095,551	413,139,372,241	73,897,473,069
- Thành phẩm	94,211,080		94,211,080	
- Hàng hóa	59,539,550,280		16,486,363,139	
- Hàng gửi bán	118,519,295		118,519,295	
Cộng	494,924,314,820	129,993,095,551	467,915,904,498	73,897,473,069

8- Tài sản dở dang dài hạn Xây dựng cơ bản dở dang	Cuối kỳ		Đầu năm	
			Cuối kỳ	Đầu năm
- Mua sắm			1,223,229,426	1,223,229,426
- XDCB			400,333,539,006	311,472,047,918
Dự án khu đô thị MECO - CITY			107,304,540	107,304,540
Dự án thủy điện Khánh Khê			-	
Dự án Suối Choang - Nghệ An			23,960,404,939	22,719,868,147
Dự án thủy điện Nậm Hóa			369,884,872,897	282,264,143,637
Dự án mỏ đá Hòa Bình			6,380,956,630	6,380,731,594
Cộng			401,556,768,432	312,695,277,344

9- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	379,578,287,412	247,148,990,567	13,585,492,912	398,034,331	640,710,805,222
- Thanh lý, nhượng bán		(6,319,715,508)	(181,818,182)		(6,501,533,690)
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	379,578,287,412	240,829,275,059	13,403,674,730	398,034,331	634,209,271,532
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	28,013,185,183	75,735,726,127	13,155,543,099	398,034,331	117,302,488,740
- Khấu hao trong kỳ	10,181,169,661	11,365,452,740	271,681,040	-	21,818,303,441
- Thanh lý, nhượng bán		(6,319,715,508)	(58,396,465)		(6,378,111,973)
Số dư cuối kỳ	38,194,354,844	80,781,463,359	13,368,827,674	398,034,331	132,742,680,208
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	351,565,102,229	171,413,264,440	429,949,813	-	523,408,316,482
- Tại ngày cuối kỳ	341,383,932,568	160,047,811,700	34,847,056	-	501,466,591,324

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

491,949,436,140

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

61,271,838,018

10- Chi phí trả trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	57,616,409	69,462,732
b) Dài hạn		
- Các khoản khác	73,074,440	106,108,622
Cộng	130,690,849	175,571,354

11- Vay và nợ thuê tài chính

Cuối kỳ	Trong kỳ	Đầu năm
---------	----------	---------

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	29,842,643,000	29,842,643,000	83,560,000,000	226,449,739,259	172,732,382,259	172,732,382,259
b) Vay dài hạn	406,032,611,596	406,032,611,596	112,347,585,211	123,690,574,029	417,375,600,414	417,375,600,414
<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>113,647,794,029</i>	<i>113,647,794,029</i>	<i>34,597,220,000</i>	<i>42,600,000,000</i>	<i>121,650,574,029</i>	<i>121,650,574,029</i>
<i>Trên 5 năm</i>	<i>292,384,817,567</i>	<i>292,384,817,567</i>	<i>77,750,365,211</i>	<i>81,090,574,029</i>	<i>295,725,026,385</i>	<i>295,725,026,385</i>
Cộng	435,875,254,596	435,875,254,596	195,907,585,211	350,140,313,288	590,107,982,673	590,107,982,673

12- Phải trả người bán

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	229,926,985,074	229,926,985,074	216,394,818,553	216,394,818,553
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	441,678,926	441,678,926	1,141,678,926	1,141,678,926
<i>Công ty CP xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn</i>	<i>441,678,926</i>	<i>441,678,926</i>	<i>1,141,678,926</i>	<i>1,141,678,926</i>
<i>Phải trả tiền khối lượng thi công</i>				
Cộng	230,368,664,000	230,368,664,000	217,536,497,479	217,536,497,479

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	17,797,958,973	5,918,486,742	17,202,860,052	6,513,585,663
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế TNDN	15,928,373,621	66,905,346	192,471,449	15,802,807,518
- Thuế TNCN	288,286,295	220,272,864	251,365,434	257,193,725
- Thuế tài nguyên	468,871,016	786,385,744	1,218,182,259	37,074,501
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	162,953,911	328,822,936	350,822,936	140,953,911
- Các loại thuế khác	8,404,235,037	1,291,177,454	1,148,726,316	8,546,686,175
Cộng	43,050,678,853	8,612,051,086	20,364,428,446	31,298,301,493

14- Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn	131,280,083,023	162,755,637,282
- Chi phí lãi vay phải trả	13,499,443,021	26,492,599,679
- Lãi trái phiếu phải trả	105,726,000	105,726,000
- Chi phí công trình	116,054,513,729	134,536,911,330
- Chi phí hỗ trợ di dời	1,620,400,273	1,620,400,273
- Các khoản trích trước khác		
b) Dài hạn		73,425,044,177
- Lãi vay		73,425,044,177
- Các khoản khác		
chỉ tiết từng khoản		
Cộng	131,280,083,023	236,180,681,459

15- Phải trả khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	7,173,558	203,975,334
- Bảo hiểm xã hội	868,033,118	1,088,481,477
- Bảo hiểm thất nghiệp	756,192	12,771,300
- Phải trả về cổ phần hoá	252,180,000	252,180,000
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	2,770,883,026	2,770,883,026
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	106,887,699,830	148,703,468,476
Cộng	110,786,725,724	153,031,759,613

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

16- Doanh thu chưa thực hiện	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước	-	2,590,909,091
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước	11,681,086,486	11,681,086,486
Cộng	11,681,086,486	14,271,995,577

17- Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	34,551,042,977	9,126,577,105	607,129,229,672
- Tăng vốn trong năm trước						1,850,000,000	1,850,000,000
- Lãi trong năm trước					(202,231,008,684)	575,050,767	(178,728,047,361)
- Tăng khác						417,388,934	417,388,934
- Giảm khác					(432,635,626)		(432,635,626)
- Cân trừ nợ phải trả bằng một phần vốn góp tại công ty con						102,552,220,000	102,552,220,000
Số dư cuối năm trước - Số dư đầu năm nay	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	(168,112,601,333)	114,521,236,806	509,860,245,063
- Tăng vốn trong kỳ						50,902,780,000	50,902,780,000
- Lãi trong kỳ					(148,791,560,645)	(145,081,242)	(297,728,202,532)
Số dư cuối kỳ	575,100,000,000	32,960,749,348	28,817,258,755	(73,426,398,513)	(316,904,161,978)	165,278,935,564	411,826,383,176

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn góp của các đối tượng khác	575,100,000,000	575,100,000,000
Cộng	575,100,000,000	575,100,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	575,100,000,000	575,100,000,000
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	575,100,000,000	575,100,000,000

d) Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57,510,000	57,510,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57,510,000	57,510,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	57,510,000	57,510,000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	5,460,000	5,460,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,460,000	5,460,000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52,050,000	52,050,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	52,050,000	52,050,000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

e) Các quỹ của doanh nghiệp	Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	28,817,258,755	28,817,258,755

18- Nguồn kinh phí	Cuối kỳ	Đầu năm
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		10,307,938

19- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	Cuối kỳ	Đầu năm
----------------------------------------------	---------	---------

a) Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	788.70	837.54
Đồng Euro (EUR)	317.22	328.14
b) Nợ khó đòi đã xử lý:	4,857,933,003	4,857,933,003

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Q4/2018 Q4/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Doanh thu

- Doanh thu bán hàng	23,419,968,157	86,451,818
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	5,679,246,063	2,400,173,837
- Doanh thu hoạt động kinh doanh BĐS		40,250,000
- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện	4,500,413,510	7,690,123,209
- Doanh thu khác	6,246,726,427	5,928,254,114
Cộng	39,846,354,157	16,145,252,978

2- Giá vốn hàng bán

	Q4/2018	Q4/2017
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	23,308,561,450	14,885,351
Trong đó: Giá vốn trích trước của hàng hóa bất động sản bao gồm:		
- Giá vốn hoạt động xây dựng	4,349,097,683	16,146,429,084
- Giá vốn hoạt động kinh doanh BĐS		40,250,000
- Giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh điện	7,967,547,411	4,034,332,546
- Giá vốn khác	(24,035,841)	4,955,840,812
Cộng	35,601,170,703	25,191,737,793

3- Doanh thu hoạt động tài chính

	Q4/2018	Q4/2017
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4,469,616	3,380,092,267
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		4,900
- Lãi chênh lệch tỷ giá	143,301,880	
Cộng	147,771,496	3,380,097,167

4- Chi phí tài chính

	Q4/2018	Q4/2017
- Lãi tiền vay	1,101,197,974	5,978,478,337
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		156,795,088
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	69,935,200	1,846,936,000
- Chi phí tài chính khác		105,632,405
Cộng	1,171,133,174	8,087,841,830

5- Thu nhập khác

	Q4/2018	Q4/2017
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		226,818,182
- Các khoản khác	50,842,543	7,727,677,642
Cộng	50,842,543	7,954,495,824

6- Chi phí khác

	Q4/2018	Q4/2017
- Các khoản bị phạt	116,576,427	17,619,092
- Các khoản khác		63,077,812
Cộng	116,576,427	80,696,904

7- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Q4/2018	Q4/2017
- Chi phí cho nhân viên	1,465,001,524	(2,154,849,158)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17,774,311	59,925,280
- Chi phí đồ dùng văn phòng	31,140,381	38,393,584
- Chi phí khấu hao TSCĐ	(43,560,606)	1,925,601
- Thuế phí và lệ phí	7,021,495	
- Chi phí dự phòng		204,022,288,429
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	(40,234,018)	545,458,336
- Chi phí bằng tiền khác	412,545,474	98,291,407
Cộng	1,849,688,561	202,611,433,479

b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi phí cho nhân viên		4,650,450
Cộng		4,650,450

8- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Q4/2018	Q4/2017
---------	---------

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11,629,659,631	12,661,603,014
- Chi phí nhân công		1,893,292,014
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3,365,980,745	3,761,316,081
- Chi phí máy thi công	644,780,483	1,606,310,480
- Chi phí sản xuất chung	8,888,794,325	8,959,096,579
Cộng	24,529,215,184	28,881,618,168

9- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Q4/2018	Q4/2017
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,352,299,185	(208,033,842,864)
Trong đó		
+ Hoạt động kinh doanh bất động sản		
+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	1,352,299,185	(208,033,842,864)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	(491,641,113,674)	(129,875,924,743)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	70,676,573	13,805,293,922
Phạt vi phạm hành chính	116,576,427	
Phần lỗ trong công ty liên kết	(45,899,854)	105,181,000
Các khoản lãi nội bộ		13,700,112,922
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(491,711,790,247)	(143,681,218,665)
Cổ tức được nhận		(4,900)
Thu nhập được miễn thuế của công ty con	(543,480,181)	180,743,702
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(491,168,310,066)	(143,861,957,467)
Trong đó		
Lỗ lũy kế của công ty mẹ	(491,168,310,066)	(143,861,957,467)
- Tổng thu nhập chịu thuế	(490,288,814,489)	(337,909,767,607)
- Thu nhập chịu thuế của công ty con	(231,651,863)	612,265,904
- Thu nhập chịu thuế tại công ty mẹ	(490,057,162,626)	(338,522,033,511)
Hoạt động kinh doanh bất động sản		
Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	(490,057,162,626)	(338,522,033,511)
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế phải nộp tại công ty con		122,453,181
Thuế TNDN điều chỉnh cho các kỳ trước	(11,944,545)	
Thuế phải nộp tại công ty mẹ		
- Thuế TNDN phải nộp	(11,944,545)	122,453,181

VII- Những thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	Kỳ này
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	195,907,585,211
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	350,140,313,288

VIII. Những thông tin khác

1- Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Q4/2018	Q4/2017
Tiền lương	493,315,518	283,384,470
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	27,621,996	25,783,878
Cộng	520,937,514	309,168,348

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình
Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn
Công ty CP Cơ khí Văn Lâm
Công ty CP Thủy điện Thác Xăng

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết

Tại ngày kết thúc quý, công nợ với bên liên quan khác như sau:

Công ty CP Cơ khí Văn Lâm

Số cuối kỳ

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Phải thu về tiền thuê nhà xưởng và các khoản khác	6,243,112,355	6,293,112,355
Phải thu khác	256,173,303	256,173,303
Cộng nợ phải thu	6,499,285,658	6,549,285,658
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Thủy điện Thác Xăng		
Ứng tiền thi công công trình	9,940,200,625	2,582,367,991
Phải trả khác	144,839,760	177,885,378
Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn		
Phải trả các khoản khác	9,900,149	9,900,149
Phải trả tiền thi công	441,678,926	1,141,678,926
Phải trả khác	137,469,755	137,469,755
Cộng nợ phải trả	10,674,089,215	4,049,302,199

2- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận":

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp
- Lĩnh vực Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực Kinh doanh Bất động sản
- Lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ khác

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Kỳ này					
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5,679,246,063	23,419,968,157		10,747,139,937	39,846,354,157
Tổng DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5,679,246,063	23,419,968,157		10,747,139,937	39,846,354,157
Chi phí bộ phận	4,349,097,683	23,308,561,450		9,793,200,131	37,450,859,264
KQKD theo bộ phận	1,330,148,380	111,406,707		953,939,806	2,395,494,893
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết					45,899,854
Lợi nhuận từ hoạt động KD					2,441,394,747
Doanh thu hoạt động tài chính					147,771,496
Chi phí tài chính					1,171,133,174
Thu nhập khác					50,842,543
Chi phí khác					116,576,427
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(11,944,545)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					1,364,243,730
Tổng CP phát sinh mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác					88,861,491,088
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ CP trả trước dài hạn					21,818,303,441

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	931,500,784,604	295,959,461,121	288,978,170,210	153,423,703,409	1,669,862,119,344
Tổng tài sản	931,500,784,604	295,959,461,121	288,978,170,210	153,423,703,409	1,669,862,119,344
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	1,010,342,161,594	85,558,195,400	26,737,655,261	135,397,723,913	1,258,035,736,168
Tổng nợ phải trả	1,010,342,161,594	85,558,195,400	26,737,655,261	135,397,723,913	1,258,035,736,168
Số đầu năm					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	1,247,806,120,983	131,069,029,836	288,745,139,346	158,432,667,884	1,826,052,958,049
Tổng tài sản	1,247,806,120,983	131,069,029,836	288,745,139,346	158,432,667,884	1,826,052,958,049
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	927,848,514,544	88,710,427,986	61,495,867,647	238,127,594,871	1,316,182,405,048
Tổng nợ phải trả	927,848,514,544	88,710,427,986	61,495,867,647	238,127,594,871	1,316,182,405,048

3- Những thông tin khác:

Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam xin giải trình biến động kết quả kinh doanh của Công ty trong quý 4 năm 2018:

- Kết quả hoạt động kinh doanh quý 4 năm 2018 có sự chênh lệch lớn so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do Kiểm toán yêu cầu hỏi tổ trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào Công ty CP xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn, và dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

NGƯỜI LẬP BIỂU

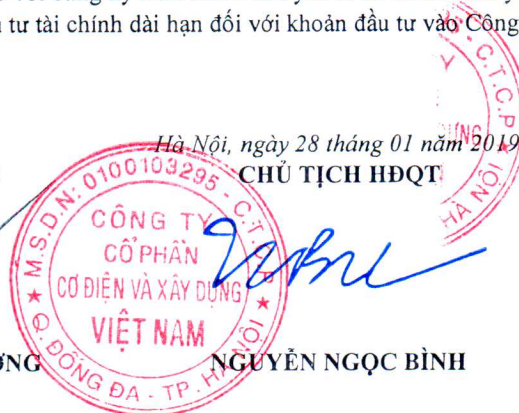
HOÀNG MẠNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH